

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC PHỔ**

Số: 1000 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đức Phổ, ngày 07 tháng 3 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2020
của xã Phổ Minh, huyện Đức Phổ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC PHỔ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28/10/2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Đề án Phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Công văn số 3948/UBND-NNTN ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Về việc tập trung tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Phổ về việc phê duyệt Đề án Phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới huyện Đức Phổ giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020;

Xét Tờ trình số 13/TTr-UBND ngày 06/3/2013 của Ủy ban nhân dân xã Phổ Minh về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới xã Phổ Minh giai đoạn 2011 - 2020;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 07/TTr-PTC ngày 06 tháng 3 năm 2013.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 – 2020 của xã Phổ Minh, huyện Đức Phổ, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tên Đề án: Đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 – 2020 của xã Phổ Minh, huyện Đức Phổ.

2. Chủ quản Đề án: Ủy ban nhân dân xã Phổ Minh, huyện Đức Phổ.

3. Điều hành thực hiện Đề án: Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Phổ Minh, huyện Đức Phổ.

4. Địa điểm đầu tư: Trên địa bàn xã Phổ Minh, huyện Đức Phổ.

5. Mục tiêu xây dựng của đề án:

a. Mục tiêu chung: Xây dựng nông thôn mới có kinh tế, xã hội phát triển, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn được phát huy dân chủ, văn minh, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao. Phần đầu đến năm 2015 xã cơ bản đạt các tiêu chí nông thôn mới (đạt 19 tiêu chí theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ)

b. Mục tiêu cụ thể:

I. QUY HOẠCH

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Đơn vị tính	Tiến độ thực hiện				
				Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Giai đoạn 2016-2020
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	1.1. Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ		Phê duyệt Quy hoạch	Cập nhật hoàn thiện	Cập nhật hoàn thiện	Cập nhật hoàn thiện	Cập nhật hoàn thiện
		1.2. Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội – môi trường theo chuẩn mới		Chuẩn bị Quy hoạch	Phê duyệt Quy hoạch	Cập nhật hoàn thiện	Cập nhật hoàn thiện	Cập nhật hoàn thiện

	1.3. Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp		Chuẩn bị Quy hoạch	Chuẩn bị Quy hoạch	Phê duyệt Quy hoạch	Cập nhật hoàn thiện	Cập nhật hoàn thiện
--	--	--	--------------------	--------------------	---------------------	---------------------	---------------------

II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Đơn vị tính	Tiến độ thực hiện				
				Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Giai đoạn 2016-2020
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	%	37,4	45,46	45,46	52,1	100,0
		2.2. Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	%	30,9	39,26	39,26	39,26	100,0
		2.3. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa.	%	3,30	8,21	8,21	15,16	100,0
		2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện	%	-	-	2,37	2,37	100,0
3	Thủy lợi	3.1. Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh	Đánh giá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		3.2. Tỷ lệ km trên nương do xã quản lý được kiên cố hóa	%	17,00	19,80	23,30	24,30	100,0

4	Điện	4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đánh giá	Đạt	Duy trì	Duy trì	Duy trì	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	%	89,6	89,6	100	100	100
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia	%	33,3	66,6	66,6	66,6	100
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.2. Nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ VH-TT-DL	Đánh giá	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ VH-TT-DL	%	28,5	42,8	42,8	42,8	100
7	Chợ nông thôn	Chợ đạt chuẩn của Bộ Xây dựng	Đánh giá	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt
8	Bưu điện	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông.	Đánh giá	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Có Internet đến thôn	Đánh giá	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Nhà	Không	Không	Không	Không	Không
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn BXD	%	100	100	100	100	100

III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Đơn vị tính	Tiến độ thực hiện				
				Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Giai đoạn 2016-2020
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người/năm so với mức bình quân chung của tỉnh	Lần	1	1,1	1,2	1,3	1,5
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	%	14,56	12,56	10,56	8,56	<5
12	Cơ cấu lao động	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp	%	100	100	70	60	<35
13	Hình thức tổ chức sản xuất	Có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả	Đánh giá	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt

IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Đơn vị tính	Tiến độ thực hiện				
				Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Giai đoạn 2016-2020
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục trung học	Đánh giá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)	%	100	100	100	100	100
		14.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế	%	42,4	50	60	70	90

		15.2. Y tế xã đạt chuẩn quốc gia	Đánh giá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		15.3 Cơ sở, hạ tầng	Đánh giá	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt
16	Văn hóa	Xã có từ 70% số thôn, bản trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hóa theo quy định của Bộ VH-TT-DL	Đánh giá	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt
17	Môi trường	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia	%	46.57	46.57	46.57	46.57	90
		17.2. Các cơ sở SX-KD đạt tiêu chuẩn về môi trường	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt
		17.3. Không có các hoạt động suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.4. Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt
		17.5. Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt

V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Đơn vị tính	Tiến độ thực hiện				
				Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Giai đoạn 2016-2020
18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh	18.1. Cán bộ xã đạt chuẩn	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	

		quy định.						
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”	Đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.4. Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên	Đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
19	An ninh, trật tự xã hội	An ninh, trật tự xã hội được giữ vững	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

6. Giải pháp thực hiện:

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các văn bản, Chỉ thị, Nghị quyết tạo chuyển biến sâu sắc về nhận thức của cán bộ đảng viên và nhân dân địa phương về chủ trương xây dựng nông thôn mới để mọi người tự giác tham gia và vận động người khác tham gia;

- Tổ chức điều tra, khảo sát thực trạng nông nghiệp, nông dân, nông thôn để xây dựng phê duyệt các qui hoạch chi tiết, qui hoạch phân khu ...;

- Đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển các hoạt động văn hóa giáo dục y tế, xã hội và xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội trong nông thôn;

- Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào nông nghiệp nông thôn;

- Phát huy vai trò của các chủ thể xây dựng nông thôn mới (cấp xã, thôn, xóm và hộ gia đình) trong việc tổ chức triển khai thực hiện;

- Thực hiện đa dạng hóa các nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện Chương trình, bao gồm:

+ Lòng ghép các nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn;

+ Huy động tối đa nguồn lực của địa phương (tỉnh, huyện, xã) để tổ chức triển khai Chương trình. Vốn thu được từ đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn xã;

+ Huy động vốn đầu tư của doanh nghiệp đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp, nhất là các điểm thương mại, dịch vụ đã phê duyệt nằm trên địa bàn xã;

+ Các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện của nhân dân trong xã cho từng dự án cụ thể;

+ Các khoản viện trợ không hoàn lại của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho các dự án đầu tư;

+ Các nguồn vốn tín dụng: Bao gồm vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước và vốn tín dụng thương mại của các tổ chức, cá nhân, các nhà đầu tư triển khai thực hiện trên địa bàn xã;

+ Huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác.

7. Thời gian thực hiện:

- Lập Đề án: Năm 2012.

- Phê duyệt Đề án: Năm 2013.

- Thời gian thực hiện Đề án: Năm 2012 – 2020.

8. Nhu cầu vốn đầu tư và phân kỳ đầu tư:

Tổng nhu cầu vốn đầu tư để thực hiện đề án giai đoạn 2012 – 2015 là **63.875** triệu đồng, trong đó được phân kỳ đầu tư như sau:

- Giai đoạn 2012 – 2015	: 63.875 triệu đồng.
+ Năm 2012	: 2.143 triệu đồng
+ Năm 2013	: 29.271 triệu đồng
+ Năm 2014	: 19.016 triệu đồng
+ Năm 2015	: 13.445 triệu đồng

Tổng nhu cầu vốn đầu tư để thực hiện đề án giai đoạn 2016 – 2020 là **133.562** triệu đồng, trong đó được phân kỳ đầu tư như sau:

- Giai đoạn 2016 – 2020	: 133.562 triệu đồng.
+ Năm 2016	: 35.093 triệu đồng
+ Năm 2017	: 27.583 triệu đồng
+ Năm 2018	: 27.636 triệu đồng
+ Năm 2019	: 26.347 triệu đồng
+ Năm 2020	: 16.903 triệu đồng

9. Nguồn vốn đầu tư:

9.1. Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2012 – 2015: 63.875 triệu đồng.

Trong đó:

- Ngân sách	: 25.720 triệu đồng.
- Vốn tín dụng	: 17.650 triệu đồng.
- Vốn doanh nghiệp	: 17.474 triệu đồng.

- Huy động cộng đồng, dân cư : 3.031 triệu đồng.

9.2. Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2016 – 2020: 133.562 triệu đồng.

Trong đó:

- Ngân sách 31.470 triệu đồng.
- Vốn tín dụng 52.906 triệu đồng.
- Vốn doanh nghiệp 30.622 triệu đồng.
- Huy động cộng đồng, dân cư 18.564 triệu đồng.

Chi tiết có đề án được đóng dấu thẩm định của Phòng Tài chính – KH huyện kèm theo

Điều 2. Ủy ban nhân dân xã Phổ Minh có trách nhiệm triển khai thực hiện nội dung Đề án theo đúng Điều 1 của Quyết định này và tiếp tục hoàn chỉnh bổ sung đề án sau khi các quy hoạch đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng các phòng: Tài chính – Kế hoạch, Nông nghiệp & PTNT, Giáo dục và Đào tạo, Kinh tế và Hạ tầng, Y tế, Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện, Thủ trưởng các phòng, ban có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phổ Minh, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Phổ Minh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT.HU, TT.HĐND;
- CT, PCT. UBND huyện;
- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh;
- Ban CĐXDNTM tỉnh;
- Ban CĐXDNTM huyện;
- Lưu VPUB.

CHỦ TỊCH


Le Văn Mùi